

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh A.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: Số X, Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

*Chị Nguyễn Thị N có mặt, anh Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2018 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 24/7/2018. Hôn nhân giữa chị N và anh L được xây dựng trên cơ sở

tự tìm hiểu và kết hôn.

Trong khoảng thời gian đầu chung hạnh phúc, nhưng từ tháng 11 năm 2019 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và hay cãi vã. Nguyên nhân là do anh L khi đi làm ở Bình Dương có người phụ nữ khác bên ngoài. Anh L tự ý vay tiền bên ngoài để đưa cho mẹ chồng mà không thông qua ý kiến của chị N và thường ngày không quan tâm chăm sóc gia đình, tính tình không còn hòa hợp nhau, chị N có nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N và anh L bắt đầu sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị N và anh L có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị N và anh L có 01 con chung tên Trần B, sinh ngày 23/01/2019 (Đã chết). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Cháu Trần B, sinh ngày 23/01/2019 (Đã chết), nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị N (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Trích lục khai sinh của Trần B (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản khai của chị Nguyễn Thị N ngày 30/6/2022 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn L cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

Xét thấy, chị N và anh L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2018, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân là do anh L khi đi làm ở Bình Dương có người phụ nữa khác bên ngoài. Anh L tự ý vay tiền bên ngoài để đưa cho mẹ chồng mà không thông qua ý kiến của chị N và thường ngày không quan tâm chăm sóc gia đình, tính tình không còn hòa hợp nhau, chị N có nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Ngoài ra anh, chị không còn sống chung từ tháng 11 năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị N xác định hiện nay giữa chị và anh L không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Cháu Trần B, sinh ngày 23/01/2019 (Đã chết), nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh L không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn L.

- *Về con chung*: Cháu Trần B, sinh ngày 23/01/2019 (Đã chết), nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010259 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Trần Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND TT. T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**